TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10.5.2018
Về việc: Tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ-TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tuân
Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Dung – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Ngày 10.5.2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 632/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 632/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16.3.2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 632/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11.4.2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Thái Trần T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 103 đường H, tổ 7 phường V, quận T, TP Đà Nẵng. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Tôn Nữ Tường V, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Số 103 đường H, tổ 7 phường V, quận T, TP Đà Nẵng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Theo đơn khởi kiện ngày 23.11.2017, bản tự khai ngày 27.11.2017, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – ông Thái Trần T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Tôn Nữ Tường V xây dựng gia đình vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà cha mẹ ông địa chỉ số 103 đường H, tổ 7 phường V, quận T, TP Đà Nẵng. Đến tháng 12.2015 thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất

đồng về vấn đề tài chính, bà V nợ nần rất nhiều người. Khoảng tháng 4.2016, ông mới phát hiện ra bà V nợ nần và đã trả nợ thay cho bà V. Nhưng sau đó, bà V vẫn tiếp tục vay mượn, còn ông vì muốn các con có được gia đình hạnh phúc nên ông vẫn tiếp tục trả các món nợ cho bà V. Mặc dù ông đã nhiều lần khuyên can bà V nhưng bà V vẫn không thay đổi.

Nay ông xác định không còn tình cảm thương yêu bà V, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Tôn Nữ Tường V.

- *Về con chung:* Ông xác định vợ chồng có 04 (bốn) người con chung: Thái Phước Gia H, sinh ngày: 05.02.2008; Thái Phước T, sinh ngày: 07.11.2009; Thái Phước Gia V, sinh ngày: 15.8.2012 và Thái Phước Gia M, sinh ngày: 26.10.2016.

Hiện nay, bà V đang phải đi trốn nợ, không có kinh tế, chỗ ở cũng không ổn định nên bà V không thể đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc các con. Do đó, ly hôn, ông có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 4 người con và không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Ông xác định ông và bà Tôn Nữ Tường V không có.

- *Về nợ chung:* Ông xác định ông và bà Tôn Nữ Tường V không nợ nần ai và không ai nợ nần ông bà.

** Theo bản tự khai đề ngày 23.01.2018 và biên bản hòa giải, bị đơn - bà Tôn Nữ Tường V trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà thống nhất với lời trình bày của ông Thái Trần T về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn. Hôn nhân giữa bà và ông T là hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà cha mẹ ông T địa chỉ số 103 đường H, tổ 7 phường V, quận T, TP Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần và ông T cũng đã đứng ra trả nợ cho bà nhiều lần. Đến cuối năm 2016, ông T có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác. Bên cạnh những áp lực về vấn đề kinh tế và tình cảm, ông T còn dùng các con tạo áp lực cho bà, buộc bà phải ra khỏi nhà vào tháng 11.2017. Hiện bà đang sống ở Huế nhưng bà đề nghị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng tiếp tục giải quyết vụ án. Bản thân bà còn đang nợ số tiền 650.000.000đ và bà đang cố gắng thu xếp để trả dứt điểm số nợ này.

Nay ông T nộp đơn xin ly hôn với bà, bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng nhưng vì các con còn quá nhỏ, sẽ ảnh hưởng đến tâm lý các con. Mặc khác, hiện cuộc sống của bà chưa được ổn định nên thời điểm này, bà không đồng ý ly hôn với ông Thái Trần T.

- *Về con chung:* Bà xác định vợ chồng có 04 (bốn) người con chung: Thái Phước Gia H, sinh ngày: 05.02.2008; Thái Phước T, sinh ngày: 07.11.2009; Thái

Phước Gia V, sinh ngày: 15.8.2012 và Thái Phước Gia M, sinh ngày: 26.10.2016.

Nếu phải ly hôn, bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng 04 con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 04 con với số tiền 8.000.000đ/tháng. Nếu không được nuôi cả 04 con thì bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con Thái Phước T, Thái Phước Gia M và giao hai con Thái Phước Gia H, Thái Phước Gia V cho ông T nuôi dưỡng; không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- *Về tài sản chung*: Bà xác định bà và ông Thái Trần T không có.

- *Về nợ chung:* Bà xác định bà và ông Thái Trần T không nợ nần ai và không ai nợ nần ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Thái Trần T về việc "Ly hôn" đối với bà Tôn Nữ Tường V. Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Thái Trần T nên các vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng phát biểu quan điểm về thủ tục giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn - ông Thái Trần T khởi kiện xin ly hôn với bị đơn - bà Tôn Nữ Tường V có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ số 103 đường H, tổ 7 phường V, quận T, TP Đà Nẵng nhưng từ khoảng tháng 11.2017 đến nay, bà V đã bỏ nhà đi khỏi địa phương để trốn nợ. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, Tòa án làm thủ tục thông báo tìm kiếm bị đơn trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập (niêm yết) hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn – bà Tôn Nữ Tường V vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Tôn Nữ Tường V.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Thái Trần T và bà Tôn Nữ Tường V xây

dựng gia đình vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà chung sống tại nhà cha mẹ ông Thái Trần T địa chỉ số 103 đường H, tổ 7 phường V, quận T, TP Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống thì giữa vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, theo ông T xác định là do bà V làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần, vợ chồng bất đồng về vấn đề tài chính. Từ tháng 11.2017 đến nay, ông bà đã sống ly thân mỗi người mỗi nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Để ổn định cuộc sống, ông Thái Trần T đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn bà Tôn Nữ Tường V. Còn về phía bà V cũng nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng nhưng vì các con còn quá nhỏ nên bà không đồng ý ly hôn với ông T.

Xét thấy: Tại phiên tòa hôm nay bà Tôn Nữ Tường V vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án, cả ông T và bà V đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Mục đích hôn nhân chỉ có thể đạt được khi cả vợ và chồng cùng có ý thức và trách nhiệm trong việc xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng theo biên bản xác minh nơi ông bà cư trú thể hiện nay, ông bà đã tự sống ly thân mỗi người sống mỗi nơi, không có trách nhiệm gì với nhau. Do đó, nguyện vọng xin được ly hôn để không ràng buộc bởi quan hệ pháp lý của ông Thái Trần T là chính đáng và có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Ông Thái Trần T và bà Tôn Nữ Tường V xác định vợ chồng có 04 (bốn) người con chung: Thái Phước Gia H, sinh ngày: 05.02.2008; Thái Phước T, sinh ngày: 07.11.2009; Thái Phước Gia V, sinh ngày: 15.8.2012 và Thái Phước Gia M, sinh ngày: 26.10.2016. Ly hôn, ông T có nguyện vọng được nuôi dưỡng 04 người con chung và không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con; còn bà V xin được nuôi dưỡng hai con Thái Phước T, Thái Phước Gia M và giao hai con Thái Phước Gia H, Thái Phước Gia V cho ông T nuôi dưỡng; không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Xét thấy: Với thiên chức làm cha, làm mẹ nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, lo lắng cho con chung của cả hai ông bà là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên, việc quyết định giao con cho ai nuôi dưỡng một mặt phải căn cứ vào khả năng, điều kiện kinh tế của mỗi bên; mặt khác cũng phải xem xét tới quyền lợi mọi mặt của đứa trẻ. Hiện nay, bản thân bà V thừa nhận đang còn nợ số tiền 650.000.000 đồng và phải trốn nợ, không có chỗ ở ổn định nên không thể chăm sóc, nuôi dưỡng các con chu đáo. Hơn nữa, cả 04 người con hiện đang được ông T trực tiếp nuôi dưỡng nên để đảm bảo quyền lợi cho các con cần giao 04 người con Thái Phước Gia H, Thái Phước T, Thái Phước Gia V và Thái Phước

Gia M cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng; bà V không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Thái Trần T và bà Tôn Nữ Tường V xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông Thái Trần T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn – ông Thái Trần T đối với bị đơn – bà Tôn Nữ Tường V.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Thái Trần T được ly hôn với bà Tôn Nữ Tường V.

2. Về con chung: Giao 04 (bốn) người con chung: Thái Phước Gia H, sinh ngày: 05.02.2008; Thái Phước T, sinh ngày: 07.11.2009; Thái Phước Gia V, sinh ngày: 15.8.2012 và Thái Phước Gia M, sinh ngày: 26.10.2016 cho ông Thái Trần T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Bà Tôn Nữ Tường V không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Các bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Thái Trần T và bà Tôn Nữ Tường V xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ ông Thái Trần T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ ông đã nộp theo biên lai thu số 007863 ngày 27.11.2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *Các bên đương sự;*
- *VKSND quận Thanh Khê;*
- *Chi cục THADS quận Thanh Khê;*
- *UBND phường Vĩnh Trung;*
- *Lưu Hồ sơ.*

Nguyễn Thị Lan Anh